

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-3-2019
V/v Tranh chấp ly hôn và tranh
chấp quyền nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Thạch Thanh Long.

2/. Bà Nguyễn Thị Diệu Trang.

Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Sa Rên –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cà
Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cà Long tham gia phiên tòa: bà
Nguyễn Thị Ngoan-Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cà Long,
tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 559/2018/TLST-
HNGĐ, ngày 24 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi
con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HN ngày 28 tháng 01
năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị H, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1977 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Con chung của chị H và anh K: Cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 12/11/2002.
Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa chị Võ Thị H trình bày:
Chị và anh K tự quen biết nhau được cha mẹ hai bên gia đình đồng ý cho chị và anh K đi
đến hôn nhân, tổ chức đám cưới năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H,
huyện C vào ngày 02/12/2002. Nữ trang ngày cưới tổng cộng 01 chỉ vàng 24kra, số vàng
này vợ chồng đã đồng ý bán hết để chi tiêu trong gia đình, hiện nay không còn, sau khi
cưới vợ chồng chị đi làm mướn, ở nhà thuê, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến
năm 2005 anh K thường xuyên uống rượu về hành hạ, chửi mắng đuổi chị đi, vì lo tương

lai cho con nên chị cố gắng chịu đựng sống chung, chị có cho anh K nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng anh K không sửa đổi mà ngày càng phát sinh thêm, gia đình không hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay không hàn gắn được.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 01 người con chung tên Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 12/11/2002, hiện đang sống với chị.

Về tài sản chung: Vợ chồng cất được căn nhà cấp 4, mái lợp tol, nền gạch men, ngang 5m, dài 10m, cất trên đất của cha mẹ chồng hiện nay anh K đang quản lý, ngoài ra không còn tạo lập tài sản chung nào nữa.

Về nợ chung: Thiếu chị Nguyễn Thị Thu T 2.000.000 đồng, ngoài ra không còn nợ ai nữa.

Nay về quan hệ hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn K; Về con chung tên: Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 12/11/2002, hiện đang sống với chị, sau khi ly hôn theo nguyện vọng của con sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Chị chịu trách nhiệm trả cho chị T 2.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/01/2019 anh Nguyễn Văn K là bị đơn trình bày: Anh là chồng của chị Võ Thị H. Anh hoàn toàn thống nhất lời trình bày của chị H về hôn nhân, nữ trang, con chung, tài sản chung là đúng sự thật. Quá trình chung sống vợ chồng có cất được căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 50m², cất trên đất của cha mẹ anh, ngoài ra không còn tài sản chung nào khác, vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng anh. Vợ chồng sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H thường hay bỏ nhà ra đi không rõ lý do, vợ chồng bắt đầu sống ly thân nhau khoảng 02 tháng nay.

Nay về quan hệ hôn nhân anh không đồng ý ly hôn anh xin được đoàn tụ, nếu pháp luật giải quyết ly hôn về con chung tùy theo nguyện vọng của con sống với ai người đó nuôi dưỡng, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Hoàng T trình bày: Cháu là con của bà Võ Thị H và ông Nguyễn Văn K, cháu đã nghỉ học và đi làm, hiện đang sống với mẹ, sau khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với mẹ là bà Võ Thị H.

Vụ kiện đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh Nguyễn Văn K vắng mặt do đó không tiến hành phiên hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, cháu Nguyễn Hoàng T là con của chị H và anh K vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trình bày quan điểm cho rằng:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng

dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ kiện Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Võ Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Thị H và anh Nguyễn Văn K được ly hôn.

- Về con chung: chị Võ Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 12/11/2002.

Anh Nguyễn Văn K được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự chưa có yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị H không đặt ra yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Thiếu chị Nguyễn Thị Thu T 2.000.000 đồng. Do chị Nguyễn Thị Thu T có đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Vị còn đề nghị buộc chị Võ Thị H có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa hôm nay anh Nguyễn Văn K là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do, cháu Nguyễn Hoàng T là con của chị H và anh K vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị Võ Thị H và anh Nguyễn Văn K được xác lập vào năm 2002 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân xã H, huyện C vào ngày 02/12/2002, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2005 anh K thường xuyên uống rượu về hành hạ, chửi mắng đuổi chị đi, vì lo tương lai cho con nên chị cố gắng chịu đựng sống chung, chị có cho anh K nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng anh K không sửa đổi mà ngày càng phát sinh thêm, gia đình không hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay không hàn gắn được. Nay chị H nhận thấy không còn tình cảm với anh K nên yêu cầu được ly hôn.

Anh K không đồng ý ly hôn với chị Võ Thị H, anh K cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H thường hay bỏ nhà ra đi không rõ lý do, vợ chồng bắt đầu sống ly thân nhau khoảng 02 tháng nay, anh yêu cầu được đoàn tụ nhưng không đưa ra được hướng đoàn tụ để hàn gắn tình cảm vợ chồng, xây dựng gia đình hạnh phúc, mâu thuẫn giữa chị H và anh K đã được gia đình hai bên hòa giải, hàn gắn nhưng không kết quả. Qua xác minh Chính quyền địa phương trong thời gian sống chung khoảng một năm trước vợ chồng hay cự cãi, anh K thường đánh chị H, thời gian trở lại đây anh K không còn đánh chị H nhưng chị H thường xuyên bỏ nhà đi, hai vợ chồng mới ly thân khoảng vài tháng nay.

Từ các nguyên nhân trên xét thấy mâu thuẫn tình cảm giữa chị H và anh K ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa chị H xin ly hôn với anh K là có căn cứ, đúng qui định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu cho chị H và anh K được ly hôn với nhau.

[2.2] Về con chung tên: Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 12/11/2002 hiện đang sống với chị H. Tại phiên tòa hôm nay cũng như tại biên bản lấy lời khai chị H và anh K đều thống nhất theo nguyện vọng của cháu T sống với ai người đó nuôi dưỡng, mặt khác theo nguyện vọng của cháu T muốn được sống với chị Hằng, từ đó nghĩ nên giao chị Hằng được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu T sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh K có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay chị H chưa có yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Căn nhà cấp 4, mái lợp tol, nền gạch men, ngang 5m, dài 10m, cất trên đất của cha mẹ anh K, hiện nay anh K đang quản lý, tại phiên tòa chị H không đặt ra yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Thiếu chị Nguyễn Thị Thu T 2.000.000 đồng. Do chị Nguyễn Thị Thu T có đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.6] Về án phí: chị Võ Thị H có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Võ Thị H.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Võ Thị H và anh Nguyễn Văn K được ly hôn.

- **Về con chung:** chị Võ Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 12/11/2002.

Anh Nguyễn Văn K được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Các đương sự chưa có yêu cầu nên không xem xét.

- **Về tài sản chung:** Chị H không đặt ra yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- **Về nợ chung:** Thiếu chị Nguyễn Thị Thu T 2.000.000 đồng. Do chị Nguyễn Thị Thu T có đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- **Về án phí:** chị Võ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/ 0018653, ngày 20/12/2018 do Chi cục thi hành án dân sự huyện C thu, chị Võ Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

2. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

-TAND tỉnh.

-VKSND huyện, tỉnh.

-CCTHADS huyện.

-Các đương sự.

-Lưu.

Lê Thị Trúc Linh